

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260001	Hà Minh An	26/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		7	7.6	6.6	1		6.75	7.75	2.8	18.3	
2	260002	Lê Thị Tâm An	03/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Văn	T	K		8	7.2	7	1		6.75	6	2.8	16.55	
3	260003	Lê Trần Phương An	02/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.3	8.8	9.7	1		8.75	8.5	9.4	27.65	
4	260004	Nguyễn Ngọc Bảo An	11/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	K		8	7.3	8.1	1		6.5	8	2.2	17.7	
5	260005	Nguyễn Thị Bảo An	06/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	T	K		7.3	6.8	6.2	1		7.5	5.25	1.2	14.95	
6	260006	Trương Thị Thái An	12/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	T	T	G	9.1	8.3	7.6	1		8.75	8.25	4.8	22.8	
7	260007	Cao Thị Trâm Anh	18/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	Đ		5.3	6.1	6.1	1		6.75	4.75	2.4	14.9	
8	260008	Hà Văn Anh	10/09/2010	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình												0	
9	260009	Hoàng Minh Anh	08/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.7	8.7	8.1	1		7.5	8.25	7	23.75	
10	260010	Lê Cảnh Anh	29/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		5.9	5.9	6.7	1		5	3.75	2.8	12.55	
11	260011	Lê Duy Anh	05/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.9	8.6	6.2	1		6.75	7.5	4.6	19.85	
12	260012	Lê Hà Anh	26/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		5.7	5.5	6.3	1		6.25	3.75	2	13	
13	260013	Lê Quỳnh Anh	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	T	G	8.8	9.1	7.9	1		8	7.25	4.4	20.65	
14	260014	Lê Thị Lan Anh	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		5.4	5.8	5.9	1		6	2	1	10	
15	260015	Lê Thị Lan Anh	30/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		6.1	7.3	7.9	1		6.75	3.25	1.6	12.6	
16	260016	Lê Thị Vân Anh	10/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Văn	T	K		8	5.6	6.7	1		6.75	3.75	1.8	13.3	
17	260017	Lê Tuyết Anh	19/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		5.6	6.9	6.7	1		4	3	2.2	10.2	
18	260018	Lê Viết Việt Anh	01/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	K	Đ		5.9	6.1	6.1	1		5.25	4.5	3.4	14.15	
19	260019	Nguyễn Diệp Anh	20/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	K	K		7.8	7.7	8.3	1		8.5	6.25	3.4	19.15	
20	260020	Nguyễn Đình Việt Anh	25/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	K	Đ		5.4	5.5	6.1	1		4.5	2.25	2.2	9.95	
21	260021	Nguyễn Hoàng Châu Anh	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		5.7	6.8	6	1		6	3.75	1.6	12.35	
22	260022	Nguyễn Lê Văn Anh	21/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	T	G	8	6.7	7.3	1		6.75	5	2	14.75	
23	260023	Nguyễn Nhật Hoàng Anh	01/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	Đ		5.6	5.3	4.9	1		3	2.25	2	8.25	
24	260024	Nguyễn Thị Phương Anh	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		7.1	6.6	7.1	1		6.75	4.5	3.4	15.65	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260025	Nguyễn Thị Phương Anh	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		6.1	5	6.3	1		4.75	4.5	3	13.25	
2	260026	Nguyễn Thùy Anh	16/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.6	6.3	5.7	1		6.5	4.75	2	14.25	
3	260027	Nguyễn Trâm Anh	08/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Bến Sung	T	K		6.3	6.6	6.7	1		5.5	4.5	4.2	15.2	
4	260028	Nguyễn Trần Trâm Anh	07/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	K	K		6.7	6.9	7.2	1		5	6.25	3.6	15.85	
5	260029	Nguyễn Tuấn Anh	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	T	T	G	8	8.6	8.1	1		5.5	9	7.6	23.1	
6	260030	Nguyễn Tùng Anh	18/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.4	7.9	8.5	1		6.75	6.5	7.6	21.85	
7	260031	Phạm Phương Anh	04/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Văn	T	Đ		5.7	5	6.3	1		5.5	3	1.2	10.7	
8	260032	Phạm Xuân Việt Anh	30/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	7.8	8.3	8.6	1		7	8.75	7.2	23.95	
9	260033	Quách Hùng Anh	22/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		5.8	5.9	6.2	1		4.75	4.75	1.8	12.3	
10	260034	Trương Thị Ngọc Anh	15/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	T	Đ		5.8	6.1	5.7	1		6	3.5	1.8	12.3	
11	260035	Trương Thị Quỳnh Anh	19/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	T	Đ		5.5	5.7	6.2	1		1.75	4.25	2.8	9.8	
12	260036	Trương Việt Anh	10/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.7	6.8	6.5	1		6.75	7.25	1.6	16.6	
13	260037	Cao Thị Ngọc Ánh	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	T	Đ		5.1	5	5.8	1		4	2	2	9	
14	260038	Dư Lê Ngọc Ánh	24/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.5	5.7	7.6	1		7.25	5.75	3.2	17.2	
15	260039	Hà Thị Ngọc Ánh	07/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	T	Đ		5.3	5.4	5.2	1		4.5	3	2.6	11.1	
16	260040	Lê Thị Kim Ánh	06/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		6.3	5	6.2	1		6.25	2.75	2	12	
17	260041	Lê Thị Minh Ánh	24/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.2	7.6	7.6	1		5.5	5.75	2.2	14.45	
18	260042	Lê Thị Ngọc Ánh	05/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		7	6	5.9	1		5.75	3.75	2.4	12.9	
19	260043	Lê Thị Nguyệt Ánh	14/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.4	7.5	8.1	1		7	6.5	2	16.5	
20	260044	Bùi Văn Bảo	17/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	K	Đ		5.1	5	4.6	1		2.25	1	2	6.25	
21	260045	Bùi Văn Bảo	15/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7	5.8	6.8	1		6	4.5	2.6	14.1	
22	260046	Đại Ngọc Gia Bảo	28/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		6.9	6.8	6	1		6.75	4.5	2.2	14.45	
23	260047	Đào Đức Bảo	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	T	K		6.5	6.3	6.9	1		5.25	3.5	2.2	11.95	
24	260048	Hà Văn Bảo	24/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.4	6.2	6.3	1		6.5	3.5	1.4	12.4	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260049	Lê Kim Tiến Bảo	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	K		6.3	6.7	5.4			6.75	6.5	1.8	15.05	
2	260050	Nguyễn Gia Bảo	05/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	Đ		5.3	5	5.4	1		5	3.5	1.6	11.1	
3	260051	Nguyễn Trần Gia Bảo	27/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		5.1	4.7	5.1	1		2	6	1.6	10.6	
4	260052	Nguyễn Đình Bắc	10/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		6.3	6.4	6.2	1		4.25	3.5	3.8	12.55	
5	260053	Lê Ngọc Bích	27/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.2	7.9	7.7	1		7.5	8	6.8	23.3	
6	260054	Phạm Thanh Bình	11/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	K	Đ		6.3	6	5	1		5	3.25	1.4	10.65	
7	260055	Nguyễn Ngọc Châm	18/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.9	8.2	7.9	1		7.5	7.75	7.2	23.45	
8	260056	Nguyễn Thị Bảo Châm	21/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.6	7.2	7.4	1		7.25	5.25	2.2	15.7	
9	260057	Lê Ngọc Chân	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	Đ		6.4	6.2	5.5	1		6.25	3.75	2.2	13.2	
10	260058	Lê Bảo Châu	16/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		7	6.6	6.3	1		6.75	6	3	16.75	
11	260059	Lê Ngọc Bảo Châu	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.5	8.2	8.5	1		6.75	8	7.8	23.55	
12	260060	Nguyễn Lê Bảo Châu	04/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	9	8.1	8.3	1		8.5	7.75	7.2	24.45	
13	260061	Hoàng Khánh Chi	02/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.1	6.4	7.8	1		5.75	3.25	1.8	11.8	
14	260062	Lê Thị Thùy Chi	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		6.4	8	7.6	1		5.25	7.75	3.6	17.6	
15	260063	Lương Thị Mai Chi	05/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	Đ		6.3	5.9	5.9	1		6.25	3	1.8	12.05	
16	260064	Nguyễn Ngọc Tùng Chi	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		7.4	6.4	6.6			7.5	3.5	3.2	14.2	
17	260065	Nguyễn Thị Linh Chi	22/05/2011	Tỉnh Lâm Đồng	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.5	7.5	7.5			7.25	6.75	4.6	18.6	
18	260066	Quách Diệp Chi	31/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.7	6.6	7.7	1		7.5	7	3	18.5	
19	260067	Quách Thị Bảo Chi	15/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.7	6.3	7.4	1		7.5	6.5	2.6	17.6	
20	260068	Trương Bảo Chi	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		6.4	7	6.2	1		6.5	5.25	2	14.75	
21	260069	Lê Ngọc Chiến	11/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		7	7.5	6.5	1		6.75	6	3.8	17.55	
22	260070	Lê Viết Chinh	21/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	Đ		5.4	4.1	5.2	1		5.5	1.75	1	9.25	
23	260071	Lâm Thảo Chung	09/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.4	7.3	7.8	1		7.25	6	6.2	20.45	
24	260072	Nguyễn Văn Cường	11/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		5.1	5.3	5.1	1		3.75	3.25	2.4	10.4	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260073	Bùi Thị Diễm	02/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.5	6.5	6	1		5.75	4	2	12.75	
2	260074	Lê Thị Ngọc Diễm	27/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	Đ		6.3	5.7	5.3	1		4.5	2.25	2	9.75	
3	260075	Mai Trúc Diễm	07/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	T	T	G	8.2	8.6	8.4	1		8.75	7.75	6.4	23.9	
4	260076	Lê Thị Ngọc Diệp	06/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Văn	T	K		8.5	7.6	7.7	1		7.75	7.25	6.2	22.2	
5	260077	Ngân Thị Diệp	19/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	T	G	7.7	7.4	8	1		8.25	7.25	3.2	19.7	
6	260078	Nguyễn Lê Ngọc Diệp	06/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	7.8	8.3	9.1	1		7.75	7	9.8	25.55	
7	260079	Quách Thị Diệp	03/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		6.2	5.6	6.1	1		6	2.75	1.6	11.35	
8	260080	Trần Ngọc Diệu	17/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	T	Đ		5.6	5.5	5.7	1		5.75	3.25	2.4	12.4	
9	260081	Nguyễn Văn Du	15/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		6.1	5.8	6.9	1		2	2.25	1.8	7.05	
10	260082	Hà Thị Thùy Dung	05/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	K	K		7.6	7	7.2	1		7.25	6.75	3.2	18.2	
11	260083	Nguyễn Thị Thùy Dung	25/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	Đ		5.6	5.9	5.7	1		6.5	3	1.6	12.1	
12	260084	Chu Tiến Dũng	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.7	6.3	5.5	1		7	6.5	2.4	16.9	
13	260085	Hồ Công Dũng	11/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	K	Đ		5.8	5.6	5.1			5	1.5	1.6	8.1	
14	260086	Lê Huy Tuấn Dũng	25/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quỳ	K	Đ		5.8	5.8	5.7	1		4	2.25	0.8	8.05	
15	260087	Trương Trung Dũng	06/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Văn	T	K		7.5	7.5	7.3	1		6.5	5.5	3.8	16.8	
16	260088	Cầm Bá Hoàng Duy	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		5.8	6.2	6.2	1		1.25	2.25	1	5.5	
17	260089	Lê Anh Duy	17/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		6.2	5.6	6.5	1		3.25	2.25	1	7.5	
18	260090	Lê Hữu Duy	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		7.7	7.6	6.8	1		6.25	7.75	5.6	20.6	
19	260091	Lê Ngọc Duy	11/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		6.5	6.6	5.4	1		5	5.5	3.4	14.9	
20	260092	Lê Thế Duy	11/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.7	7.9	5.4	1		6	7.75	4.2	18.95	
21	260093	Nguyễn Phạm Khánh Duy	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.1	8.4	7.1	1		7	7.75	2.4	18.15	
22	260094	Cầm Thị Mỹ Duyên	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Văn	T	Đ		5.9	5	5.1	1		4	1.25	1	7.25	
23	260095	Hà Thị Mỹ Duyên	15/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	Đ		5.5	5.3	5.2	1		6.5	3	2	12.5	
24	260096	Ngân Thị Hồng Duyên	20/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		5.2	5.7	6.1	1		4.25	1.25	0.6	7.1	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260097	Bùi Khắc Tùng Dương	22/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.5	5.8	6.8	1		4.25	5.25	2.8	13.3	
2	260098	Cầm Văn Dương	18/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		5.7	5.6	7.7	1		4.5	3	1.8	10.3	
3	260099	Lê Công Tùng Dương	11/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		5.5	5.7	5.2	1		5.5	3.5	2.2	12.2	
4	260100	Lô Đức Dương	21/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	K	Đ		5.3	6.9	5.1	1		4.25	4.5	2	11.75	
5	260101	Nguyễn Thị Thùy Dương	04/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		6.8	5.7	7.1	1		4.5	4	2.2	11.7	
6	260102	Đỗ Thế Đan	17/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	T	G	8	8.5	8.2	1		6.75	6	5.4	19.15	
7	260103	Lê Đan Đan	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.8	7.1	6.8	1		7	4	2.6	14.6	
8	260104	Nguyễn Xuân Đan	14/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.6	6.1	6.6	1		6	4.25	2.8	14.05	
9	260105	Lê Ngọc Tiến Đạt	27/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		6.9	6.2	6.1	1		6	2.5	3.2	12.7	
10	260106	Lường Ngọc Đạt	14/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		5.7	6.1	6.5	1		5.5	5.5	2.2	14.2	
11	260107	Nguyễn Tiến Đạt	20/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		5.3	5	5.5	1		3.75	0.5	1.4	6.65	
12	260108	Nguyễn Trọng Đạt	15/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	K	Đ		5.4	6	6.8	1		5.25	4.75	3.2	14.2	
13	260109	Nguyễn Xuân Khắc Đạt	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	K	Đ		6.1	6.2	6.8	1		6	5.25	3.4	15.65	
14	260110	Trần Thọ Đạt	10/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		6.9	6.6	6.1	1		7	5	6.6	19.6	
15	260111	Trịnh Quốc Đạt	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		6.9	8.4	8	1		7.5	8	5.4	21.9	
16	260112	Vì Văn Khánh Đạt	02/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		5	5.6	5.6	1		3.75	4.25	2.6	11.6	
17	260113	Hà Thị Đoan	18/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	T	G	8.7	8.4	8.2	1		6.5	8	3	18.5	
18	260114	Nguyễn Thị Đoan	26/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.2	8.2	7.4	1		6.25	6.75	1.8	15.8	
19	260115	Lê Công Đồng	21/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	K		6.9	6.6	6.4	1		7.25	6.5	5	19.75	
20	260116	Nông Văn Đồng	02/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		5.7	6.8	5.7	1		6	6.75	3.2	16.95	
21	260117	Cao Văn Đức	12/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.7	6.8	7.3	1		7	6.75	3.8	18.55	
22	260118	Lê Công Anh Đức	05/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	Đ		6.2	6.7	6.4	1		5.5	5.75	4.4	16.65	
23	260119	Lương Anh Đức	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	K	Đ		5.1	5.5	5.1	1		4	1.25	2.2	8.45	
24	260120	Lê Quỳnh Giang	02/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		9.1	8.4	6.5	1		8.25	7.5	4.6	21.35	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260121	Lê Thị Hà Giang	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		6.2	6	5.8	1		7	6.25	2.8	17.05	
2	260122	Lê Thị Trà Giang	23/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	K		8.2	7.5	8.2	1		6	6.5	7.2	20.7	
3	260123	Lê Trường Giang	19/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.8	6.2	7	1		5.5	5.75	3	15.25	
4	260124	Lô Thị Hà Giang	30/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	T	G	8.3	8	7.6	1		8.5	6	2	17.5	
5	260125	Bùi Việt Hà	02/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.4	7.2	7.8	1		7	7	7.2	22.2	
6	260126	Cao Thị Hà	05/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		5.4	6.1	5.8	1		4.75	4.5	2	12.25	
7	260127	Lê Ngọc Hà	04/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.3	8.5	7.6	1		6.5	8.25	5	20.75	
8	260128	Lê Thị Ngọc Hà	22/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		8	7.5	6.9	1		7.5	3.75	1.8	14.05	
9	260129	Nguyễn Thị Nguyên Hà	26/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.8	6.8	6.5	1		6	4.25	2.6	13.85	
10	260130	Trương Ngọc Hà	29/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	K		8	8.3	7.5	1		6.75	7	2	16.75	
11	260131	Vì Đức Hạ	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	Đ		6.2	5.9	4.5	1		7.75	5	1	14.75	
12	260132	Hồ Công Hải	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	Đ		5.4	6.2	5.3	1		4	6	2.6	13.6	
13	260133	Lê Đức Hải	17/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	K		6.7	6.5	6.4	1		6.25	5.5	4.2	16.95	
14	260134	Lò Văn Hải	11/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		5.4	5.7	5.5	1		5.25	4.75	0.8	11.8	
15	260135	Nguyễn Xuân Hải	15/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		6.1	6.2	5.1	1		5.5	7	1.6	15.1	
16	260136	Hà Thị Hạnh	20/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		6.1	6.6	5.5	1		3.25	3.75	1.2	9.2	
17	260137	Lê Thị Hạnh	28/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		7.4	7.1	6.5	1		7.25	6	3.6	17.85	
18	260138	Lê Phương Hào	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	Đ		5.7	5.7	5.3	1		5.75	4.75	1.4	12.9	
19	260139	Lê Nguyễn Thuý Hằng	19/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7	6.6	6.6	1		7	4	1.6	13.6	
20	260140	Lê Thị Bảo Hân	10/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	K		8.3	6.8	7.1	1		8.75	3.5	1.6	14.85	
21	260141	Lê Thị Ngọc Hân	17/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	Đ		6.8	5.6	6	1		6	4.75	1.8	13.55	
22	260142	Lê Thị Bích Hậu	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		7.1	5.7	6	1		6.5	3.25	1.4	12.15	
23	260143	Lê Thị Hiền	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		8	6.9	7.1	1		7.5	5.75	1.4	15.65	
24	260144	Lê Thị Thu Hiền	01/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	T	G	8.3	8.2	8.2	1		7	6.25	2.2	16.45	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260145	Bùi Văn Hiếu	22/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		6.9	7	6.9	1		5.5	6.25	5.4	18.15	
2	260146	Lê Văn Hiếu	12/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	K		7.2	7.6	7.2	1		7	7.5	1.6	17.1	
3	260147	Nguyễn Trung Hiếu	26/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		6.8	8.5	7.9	1		5.75	7.25	4.6	18.6	
4	260148	Vì Hồng Hiệu	12/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		7.6	6.2	6	1		6.75	5.25	2.8	15.8	
5	260149	Trương Thanh Hoài	26/04/2010	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	T	Đ		6.7	5.2	6.2	1		5	2.25	2.6	10.85	
6	260150	Lục Thị Kim Hoan	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.8	6.3	5.9	1		7	6.5	3	17.5	
7	260151	Lương Thị Hoan	27/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	T	Đ		7	5.2	6.1	1		5.5	5.75	1.4	13.65	
8	260152	Cao Minh Hoàng	10/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.4	7.2	7.7	1		6.25	7.25	6.8	21.3	
9	260153	Lê Đình Hoàng	20/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		6	6.7	7.2	1		5	6.75	3.6	16.35	
10	260154	Lê Hoàng	07/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	Đ		6.2	5.3	5.5	1		5.5	5.75	2.8	15.05	
11	260155	Lê Huy Hoàng	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	T	Đ		5.9	4.8	5.4	1		5.25	1.75	3	11	
12	260156	Lường Văn Hoàng	06/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	Đ		5.8	5.3	5.4	1		5	1.5	2.6	10.1	
13	260157	Nguyễn Văn Hoàng	13/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		5.5	6.1	5.8	1		3.25	1.75	1.8	7.8	
14	260158	Vì Văn Hoàng	28/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		5.1	6.5	5.2	1		2.5	1.5	2	7	
15	260159	Lương Thị Hồng	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.7	6.4	5.7	1		7.5	6.75	1	16.25	
16	260160	Nguyễn Văn Hùng	30/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	K	Đ		5.7	6.2	6.8	1		4.25	1	1.2	7.45	
17	260161	Phạm Quốc Hùng	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	K		6.6	6.7	5.1	1		7	6.5	1.4	15.9	
18	260162	Phạm Tuấn Hùng	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	T	G	8.3	7.5	6.5	1		8.75	6.5	4.4	20.65	
19	260163	Cao Văn Huy	25/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	T	Đ		5.8	5	5.9	1		6.25	3.25	1.6	12.1	
20	260164	Cao Xuân Huy	22/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.9	7.6	8.1	1		7.5	7.75	6.6	22.85	
21	260165	Đàm Khắc Quốc Huy	22/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	Đ		6.7	6.1	6.3	1		5	5.75	5.2	16.95	
22	260166	Đỗ Quang Huy	02/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.7	8.8	8.2	1		7.5	8	6.2	22.7	
23	260167	Hồ Gia Huy	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.7	7.8	7.4			6	6.25	5.8	18.05	
24	260168	Lê Đình Huy	05/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		5.6	5	6.5	1		4.5	2	1.2	8.7	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260169	Lê Kim Huy	30/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.1	7	6.9	1		6.5	7	2.4	16.9	
2	260170	Lê Quốc Gia Huy	04/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quỳnh	T	Đ		6.7	6.2	5.8	1		6	3.75	2.4	13.15	
3	260171	Lê Xuân Huy	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.5	6.2	6.4	1		6	4.75	3.4	15.15	
4	260172	Lô Nguyễn Đức Huy	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.3	6	5.3	1		4.25	3.25	2.8	11.3	
5	260173	Lương Minh Huy	10/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		6	5	5.8	1		4.25	5.75	1.8	12.8	
6	260174	Nguyễn Duy Huy	20/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quỳnh	K	Đ		6.4	5.7	5.7	1		6	4.25	1.8	13.05	
7	260175	Nguyễn Mạnh Huy	19/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quỳnh	K	Đ		7.1	6.3	5.9	1		6.5	4.5	2.4	14.4	
8	260176	Nguyễn Quốc Huy	13/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.3	6.9	6.6	1		6.5	7.25	2.4	17.15	
9	260177	Trần Gia Huy	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.9	5.3	6	1		4.25	5.5	5.2	15.95	
10	260178	Trần Quốc Gia Huy	18/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.4	6.1	6.8	1		7	4.75	2.4	15.15	
11	260179	Hà Thị Huyền	12/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	Đ		5.5	5.3	5.4	1		6.5	2.75	1.2	11.45	
12	260180	Hoàng Thị Huyền	04/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.7	7.2	7	1		7.5	4.5	2.8	15.8	
13	260181	Lê Khánh Huyền	24/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.7	8.6	7.7	1		8.5	8.25	7.2	24.95	
14	260182	Lê Thị Huyền	23/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quỳnh	T	K		7.8	6.4	5.6	1		7.25	3.5	2.4	14.15	
15	260183	Lương Thị Khánh Huyền	17/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		7.1	7.2	7	1		7.5	6	4	18.5	
16	260184	Lường Thị Thu Huyền	29/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	K		7.3	8.2	6.5	1		7.25	8	4.2	20.45	
17	260185	Vì Ngọc Huyền	02/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		5.7	7	6.4	1		6	6	2.6	15.6	
18	260186	Vũ Thanh Huyền	23/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.5	7.6	8.2	1		7	5.5	1.8	15.3	
19	260187	Đình Duy Hưng	06/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		6.1	5.3	5.6	1		6	1.75	0.8	9.55	
20	260188	Lê Văn Hưng	21/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳnh	T	Đ		5.3	5.8	6.6	1		3	3	1.2	8.2	
21	260189	Nguyễn Lan Hương	29/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		5.9	5.3	6.8	1		5	1.75	1.4	9.15	
22	260190	Phan Lê Hương	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	Đ		5.8	6.1	5.7	1		4.5	3.75	2.6	11.85	
23	260191	Lê Thị Hường	06/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		6.9	8.1	6.8	1		7	6.75	1.8	16.55	
24	260192	Lê Thị Hựu	22/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	K		7.7	5.9	6.4						0	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260193	Đới Minh Khải	05/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	K	Đ		5.2	5.4	5	1		4.25	2.5	1.4	9.15	
2	260194	Lô Vĩnh Khang	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	K		7.6	7.3	7.1	1		6.5	6	4.6	18.1	
3	260195	Quách Bảo Khanh	07/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	K	Đ		5.6	6.2	5.3	1		5	4.5	3.2	13.7	
4	260196	Trần Bảo Khanh	03/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.8	8.3	7.6	1		7.5	8	2.6	19.1	
5	260197	Bùi Duy Khánh	12/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	Đ		5.2	6.1	5.1	1		5	4	2	12	
6	260198	Đỗ Nam Khánh	29/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	7.9	8.5	7.5	1		7.25	8.75	5.6	22.6	
7	260199	Hà Huy Khánh	26/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		5.9	6.1	6.5	1		4.25	4.5	3.4	13.15	
8	260200	Lê Đình Khánh	23/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	Đ	Đ		5	5.4	5	1		0.5	0.5	2	4	
9	260201	Lê Quốc Khánh	24/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.4	6.5	7.4	1		4.25	5	1.4	11.65	
10	260202	Lê Xuân Khánh	15/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		5.3	5.1	4.8	1		3.75	2.75	1.2	8.7	
11	260203	Nguyễn Thế Khoa	20/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.8	7.4	6.4	1		6	7.5	6	20.5	
12	260204	Lê Đăng Khôi	14/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	Đ		5.8	5.1	6	1		3.5	4.5	2.6	11.6	
13	260205	Lê Quỳnh Khôi	26/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		6.6	7.1	6.7	1		7	5	2	15	
14	260206	Phùng Trọng Khôi	07/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Thanh Hòa	T	Đ		6.5	6	5.9	1		3	4.5	2.4	10.9	
15	260207	Lê Nguyễn Chí Kiên	14/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.4	7.4	7.2	1		6.5	5.25	4.4	17.15	
16	260208	Hà Phan Anh Kiệt	02/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		6.4	5.3	6.2	1		1.25	4	4.4	10.65	
17	260209	Lê Tuấn Kiệt	08/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	T	G	8.2	8.1	8	1		7.75	7	6	21.75	
18	260210	Ngô Trịnh Tuấn Kiệt	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.8	7.4	7.7	1		7.25	6.75	7.2	22.2	
19	260211	Nguyễn Anh Kiệt	29/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	Đ		6	5.4	5.3	1		6.25	4.5	2.8	14.55	
20	260212	Nguyễn Tuấn Kiệt	10/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.1	8.3	7.9	1		6.5	8.25	5.4	21.15	
21	260213	Nguyễn Xuân Kiệt	14/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		6.1	6	6.9	1		5.5	4	5.4	15.9	
22	260214	Phạm Tuấn Kiệt	03/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	7.8	8.2	8.7	1		7.5	7.25	6.2	21.95	
23	260215	Bùi Minh Lâm	08/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		5.8	6.2	6	1		5.5	5.5	2.4	14.4	
24	260216	Nguyễn Thanh Lâm	08/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8	7.5	8.1	1		7.5	7.5	7.2	23.2	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260217	Bùi Văn Lập	28/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	K		7.5	8.6	6.9	1		6.5	8.5	3.2	19.2	
2	260218	Lê Thị Bảo Lê	22/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.4	5.3	6.4	1		6.5	6.75	5.2	19.45	
3	260219	Lương Nhật Lê	10/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		7	7	7.5	1		7.5	5.75	1.6	15.85	
4	260220	Ngân Văn Lê	30/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		6.6	6	6.1	1		6	7.25	3	17.25	
5	260221	Nguyễn Thị Khánh Lê	29/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.9	7.9	7	1		7.75	7.25	1.8	17.8	
6	260222	Lê Thị Phương Liên	18/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		5.4	5.2	5.4	1		4.75	3.5	2.2	11.45	
7	260223	Bùi Thị Linh	17/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		8.3	8.1	7.2	1		8.25	8	2.8	20.05	
8	260224	Hà Kiều Linh	06/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	T	G	8.6	8.3	7.5	1		8.25	8.25	3	20.5	
9	260225	Hà Phương Linh	06/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.8	6.7	6.9	1		6.75	7.25	4	19	
10	260226	Hà Thị Khánh Linh	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	Đ		6.4	6.2	5.5	1		7.75	7	1.8	17.55	
11	260227	Hoàng Diệu Linh	19/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.5	6.4	6.6	1		7.5	7.25	3.4	19.15	
12	260228	Hoàng Hà Linh	25/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		9.1	7.7	7.5	1		8.5	7.25	4.4	21.15	
13	260229	Lê Bảo Linh	15/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	K	K		8	7.5	7.9	1		7.25	6.25	3.8	18.3	
14	260230	Lê Doãn Linh	11/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		5.2	6.3	6.4	1		5.75	5	2.8	14.55	
15	260231	Lê Hà Linh	10/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		7.4	7.1	7.3	1		7.5	6.5	4.2	19.2	
16	260232	Lê Hồng Nguyệt Linh	15/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.8	7.9	8.1	1		7.5	8.25	5.6	22.35	
17	260233	Lê Phương Linh	12/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.1	6.2	5.7	1		5.75	7	4.8	18.55	
18	260234	Lê Phương Linh	22/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.5	6.5	6.3	1		6.25	7.25	5.4	19.9	
19	260235	Lê Thị Thuý Linh	10/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.6	5.1	6.3	1		4.75	2.75	1.4	9.9	
20	260236	Lê Thùy Linh	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	T	Đ		7.2	6.3	6.3	1		6	6	2.8	15.8	
21	260237	Lương Diệu Linh	10/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.4	7	8	1		7.5	6	5	19.5	
22	260238	Ngân Văn Linh	17/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	K		6.2	6.8	5.9	1		7	6.25	2.2	16.45	
23	260239	Nguyễn Thị Khánh Linh	06/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		7.5	7	6.3	1		8	7	4	20	
24	260240	Quách Thị Phương Linh	14/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	Đ		5.1	5.1	4.8	1		4	5.5	1.2	11.7	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260241	Trương Dương Trang Linh	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.5	8.6	6.9	1		7	7.75	2.2	17.95	
2	260242	Vì Thị Khánh Linh	11/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		7.1	5.9	6.5	1		7.25	5.5	2.6	16.35	
3	260243	Nguyễn Thị Khánh Loan	12/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		7.7	8.1	7.7	1		7.5	6.25	2.8	17.55	
4	260244	Cao Văn Long	04/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quỳnh	K	Đ		5.6	5.5	5.4	1		4.75	1.75	2	9.5	
5	260245	Hà Bảo Long	12/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		5	4.9	5.9	1		1.25	3	0.4	5.65	
6	260246	Lê Đình Long	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.8	6.5	7.2	1		6.5	7.25	5	19.75	
7	260247	Lê Hồng Long	14/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.6	6.8	5.7	1		6	6	2.6	15.6	
8	260248	Lương Ngọc Long	11/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Thanh Hòa	T	Đ		6.2	5.8	5.8	1		5	3.25	5.6	14.85	
9	260249	Nguyễn Thành Long	26/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.6	6.4	5.7	1		7	6.5	2.2	16.7	
10	260250	Lê Phú Lộc	25/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳnh	T	K		7.7	6.5	7.5	1		7.5	8	5.2	21.7	
11	260251	Lê Khánh Ly	15/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quỳnh	T	Đ		7.7	5.8	5.7	1		7.75	4.5	4	17.25	
12	260252	Nguyễn Thị Khánh Ly	23/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	T	G	9.2	8	8.3	1		8	3	4.8	16.8	
13	260253	Trương Khánh Ly	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		5.6	4.7	5.9	1		4.5	8	1.2	14.7	
14	260254	Vì Thị Hương Ly	01/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	Đ		6	5.2	5.6	1		4.5	3.5	1.2	10.2	
15	260255	Bùi Thị Lý	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	T	G	8.1	8.1	8	1		7.5	6.75	6	21.25	
16	260256	Cao Thị Xuân Mai	10/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		7.7	8.2	7.8	1		6	6.5	3.4	16.9	
17	260257	Lê Văn Mạnh	04/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quỳnh	K	Đ		5.9	5.9	5.7	1		6	4.5	2.8	14.3	
18	260258	Lê Thị Mận	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		7.7	8.1	7.6	1		6.75	5.5	3.2	16.45	
19	260259	Đỗ Hà Minh	15/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	7.5	8.5	8.7	1		7.75	7.75	9.4	25.9	
20	260260	Hoàng Như Minh	31/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		6	5.8	5.8	1		5	2.75	2.4	11.15	
21	260261	Lê Văn Minh	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.1	6.7	7.4	1		6	5	4.6	16.6	
22	260262	Phạm Lương Bình Minh	01/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8	6.5	7	1		7	6	8.2	22.2	
23	260263	Bùi Thị Trà My	09/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.7	6.5	7.2	1		4.5	1.25	2	8.75	
24	260264	Lê Thị Trà My	19/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quỳnh	T	K		7.1	7.4	6.7	1		7.5	7.5	2.6	18.6	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260265	Lê Thị Trà My	06/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	T	G	8.6	7.8	8.5	1		8.5	6.75	5.4	21.65	
2	260266	Quách Thị Hà My	23/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	T	G	8.7	8.3	8.3	1		8.25	7.5	2.6	19.35	
3	260267	Hoàng Ái Mỹ	30/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.7	6.7	6.3	1		7.75	5.75	4	18.5	
4	260268	Hà Hải Na	07/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	7.6	8.1	8.8	1		8	8.5	9.4	26.9	
5	260269	Nguyễn Lê Na	25/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.4	8.5	9.8	1		7.5	6.75	9.8	25.05	
6	260270	Nguyễn Na Na	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.2	8.1	7.8	1		7.5	8.25	8	24.75	
7	260271	Quách An Na	03/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.3	7.3	7.9	1		6.5	5.5	2.6	15.6	
8	260272	Bùi Hải Nam	14/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.3	7.8	8.7	1		7.25	7	6.6	21.85	
9	260273	Lê Bảo Nam	07/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.8	6.9	6.6	1		6.5	6.25	3.8	17.55	
10	260274	Lê Nhật Nam	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	K		7.8	7.1	7.8	1		8.25	6.5	4.2	19.95	
11	260275	Lô Văn Nam	04/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	Đ		5.5	5.7	6	1		2.75	3.5	3	10.25	
12	260276	Nguyễn Bảo Nam	03/03/2011	Tỉnh Hưng Yên	THCS Thượng Ninh	T	Đ		7.1	6	5.7	1		7	6	1.6	15.6	
13	260277	Nguyễn Như Nam	10/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		6.6	7.6	6.2	1		5.5	6.75	4.8	18.05	
14	260278	Nguyễn Văn Thành Nam	11/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	Đ		6	5.4	5.3	1		4	2	3	10	
15	260279	Đàm Quỳnh Nga	05/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.5	7.7	8.1	1		8	7	5.6	21.6	
16	260280	Lê Thị Nga	10/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		6.7	7.7	7	1		7.25	6.25	3	17.5	
17	260281	Lương Thị Thúy Nga	02/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	K		5.7	6.7	5	1		6.25	6.75	1.8	15.8	
18	260282	Nguyễn Thị Thùy Nga	22/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		8.2	7.5	6.9	1		7.5	4.25	2.6	15.35	
19	260283	Quang Thị Nga	12/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	Đ		5.4	5.1	6.3	1		5	3.5	2.6	12.1	
20	260284	Bùi Thị Ngân	22/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		5.8	6.7	6.8	1		6.25	3.25	3.4	13.9	
21	260285	Đỗ Lê Thị Tuyết Ngân	24/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	K	Đ		6.9	5.5	6.9	1		6.5	3	2.6	13.1	
22	260286	Hoàng Thị Ngọc	04/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		7.2	7	7.4	1		8.5	4.25	2.4	16.15	
23	260287	Lê Bảo Ngọc	09/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	K		8	7	7.8	1		7	5.75	3	16.75	
24	260288	Lê Thị Ngọc	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.2	6.3	7.3	1		5.5	6	2.4	14.9	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260289	Lê Văn Thế Ngọc	08/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.6	5.8	6.3	1		6	4.75	1.6	13.35	
2	260290	Lục Thị Bảo Ngọc	23/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		6.3	6.4	5.7	1		6.75	2.75	2.4	12.9	
3	260291	Nguyễn Thị Ngọc	17/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	K		7.9	7.4	7.5	1		7	7.75	5.4	21.15	
4	260292	Phan Bảo Ngọc	26/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.8	6.3	7.8			6.75	6	1.6	14.35	
5	260293	Lâm Thảo Nguyên	09/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.8	7.2	7.5	1		8.5	6.5	4.2	20.2	
6	260294	Lê Ngọc Nguyên	08/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		7.2	6.8	6.2	1		6	5.75	5	17.75	
7	260295	Bùi Đức Nguyễn	30/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		5.8	6.5	6.4	1		4.5	3	2.2	10.7	
8	260296	Cầm Thị Nguyệt	02/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.6	7.1	7.5	1		5.5	2.75	1.4	10.65	
9	260297	Nguyễn Hà Ánh Nguyệt	20/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	T	K		6.3	7.5	6.6	1		5.5	6	2.4	14.9	
10	260298	Lê Văn Nhân	23/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	T	T	G	6.6	8.5	8.1	1		5.75	8.5	6.6	21.85	
11	260299	Lương Khắc Nhất	24/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	K	Đ		5	5.1	5	1		1.5	3	2.6	8.1	
12	260300	Lê Doãn Nhật	25/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	Đ		5.5	5.5	5.8	1		3	3.5	2.4	9.9	
13	260301	Bùi Thị Nhi	02/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		7.4	5.8	6.2	1		7	3.25	3.2	14.45	
14	260302	Doãn Nguyễn Yến Nhi	13/04/2010	Tỉnh Đắk Lắk	THCS Hoá Quỳ	T	K		7.3	7.8	7.5	1		7.5	7.5	6.2	22.2	
15	260303	Đào Linh Nhi	25/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.3	9.5	9.4	1		7.75	8.75	9.4	26.9	
16	260304	Đoàn Phương Nhi	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.8	8.1	7.9	1		7.75	7.25	6.4	22.4	
17	260305	Hà Thị Nhi	16/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.2	7.4	7.5	1		6.5	4.75	4.8	17.05	
18	260306	Lê Nguyễn Phương Nhi	31/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	T	Đ		6.6	5.8	5.5	1		6	3.5	2.6	13.1	
19	260307	Lê Thị Yến Nhi	04/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		5	5.3	5.7	1		4	1.75	1.2	7.95	
20	260308	Lê Thị Yến Nhi	28/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		6.6	5	6.4	1		5.5	2.75	1.6	10.85	
21	260309	Lò Thị Nhi	01/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quỳ	T	Đ		8	6.2	5.7	1		7.5	6	3	17.5	
22	260310	Lương Thị Nhi	22/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.7	5.9	6.9	1		6.5	6.5	2.2	16.2	
23	260311	Nguyễn Ánh Tuyết Nhi	30/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.6	5.4	6.5	1		6.5	6.75	3	17.25	
24	260312	Nguyễn Phương Nhi	17/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	9.1	8.5	8.8	1		8.75	6.5	6	22.25	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260313	Quách Thị Hồng Nhung	25/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	T	K		7.3	7	6.7	1		7.25	7	3	18.25	
2	260314	Lê Lâm Tâm Như	26/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		7.8	6.6	5.5	1		5.5	5	3.4	14.9	
3	260315	Phạm Quỳnh Như	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.3	7.9	6.8	1		8.5	7.75	5.4	22.65	
4	260316	Vì Gia Như	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.9	7.1	8	1		5.75	5	2.8	14.55	
5	260317	Đào Thị Kiều Oanh	18/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		7	7.7	7.1	1		5	6.5	2.4	14.9	
6	260318	Bùi Tuấn Phong	15/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	K	Đ		5.5	5.8	5	1		3.5	3.5	2.6	10.6	
7	260319	Lê Ngọc Phong	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		7.8	6.9	6.4	1		7.75	7.25	2.2	18.2	
8	260320	Nguyễn Thế Phong	02/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		5.5	5.5	5.2	1		3.75	3.25	2	10	
9	260321	Phạm Khắc Phong	24/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	Đ		5.9	6.3	6.4	1		6.5	7.25	3	17.75	
10	260322	Trần Đình Lam Phong	05/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	Đ		5.3	5	5.4	1		5.5	3	2.2	11.7	
11	260323	Triệu Hà Tuấn Phong	20/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		5.5	6.2	5	1		2.5	3.25	2	8.75	
12	260324	Trương Trần Phong	16/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.9	8.8	9.1	1		8.25	8.25	8.6	26.1	
13	260325	Lê Cẩm Phúc	07/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		5.9	6.5	6.3	1		5.75	5.5	6	18.25	
14	260326	Lê Văn Phúc	19/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		5.6	6.4	5.9	1		4.75	5.25	3.4	14.4	
15	260327	Quách Văn Phúc	03/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		7	7.4	6.5	1		6	6.75	2.2	15.95	
16	260328	Trần Đình Phúc	14/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.6	6.4	6.3	1		5.5	6.75	2.8	16.05	
17	260329	Bùi Minh Phương	21/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.8	6	6.5	1		6.5	4.5	1.8	13.8	
18	260330	Cao Thị Phương	17/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	T	K		7.1	7.7	7.8	1		5.75	7	2.6	16.35	
19	260331	Hà Minh Phương	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7	7.8	6.7	1		4.25	8	5	18.25	
20	260332	Hà Thị Mai Phương	23/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		6.7	6.9	7.8	1		8	5.75	2.6	17.35	
21	260333	Lê Bùi Yến Phương	06/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.6	7.1	7.5	1		7	6	2	16	
22	260334	Lê Hà Phương	18/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	T	K		7.3	7.1	7.1	1		5.75	5.75	2.2	14.7	
23	260335	Lê Hà Phương	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8	7.8	7.4	1		6.5	5	2.8	15.3	
24	260336	Lê Hoàng Phương	06/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	K	Đ		6	6.1	5	1		4.5	3	1.6	10.1	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260337	Lê Khánh Phương	07/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	T	G	8.9	8.2	8.3	1		7.75	7	2.2	17.95	
2	260338	Lê Mai Phương	11/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.1	8.9	7.8	1		7.75	8.75	7.8	25.3	
3	260339	Lê Thảo Phương	12/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.2	8.4	7.5	1		6	7.25	4	18.25	
4	260340	Ngân Hoài Phương	02/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		6.2	7.1	6.8	1		6.5	6.5	2.6	16.6	
5	260341	Phạm Lê Phương	25/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	T	G	8	7.5	7.5	1		5.25	6.25	5.8	18.3	
6	260342	Phan Hà Phương	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	9.3	8.8	9.3	1		8.75	8.5	8.6	26.85	
7	260343	Bùi Hồng Quân	09/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		5.3	5.4	5.8	1		2	0.75	0.8	4.55	
8	260344	Bùi Minh Quân	29/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	K	Đ		5.9	6.6	6.2	1		5	3	1.8	10.8	
9	260345	Lê Kim Mạnh Quân	12/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	K		7.5	8.4	7.2	1		7.5	8	4.4	20.9	
10	260346	Lê Minh Quân	02/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.4	6.8	6.6	1		5.5	3.75	3.6	13.85	
11	260347	Lê Văn Minh Quân	06/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	K	Đ		5.3	6	5	1		5	3.25	4	13.25	
12	260348	Quách Minh Quân	24/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		5.6	6.6	6.1	1		4.25	2.75	1.8	9.8	
13	260349	Hà Thị Hồng Quyên	29/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	K		7.2	6.2	7.4	1		5	4.75	2	12.75	
14	260350	Lê Thị Lệ Quyên	09/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		7.5	7.1	7.5	1		6.75	6.5	5.4	19.65	
15	260351	Lê Thị Quyên	15/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7	6.2	6.5	1		6.75	2	4.8	14.55	
16	260352	Lường Thị Quyên	09/01/2011	Tỉnh Sơn La	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		5.8	7.4	6.7	1		4	5.5	6	16.5	
17	260353	Đào Như Quỳnh	15/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.6	8.3	8.1	1		8	5.75	8.2	22.95	
18	260354	Hà Thị Quỳnh	23/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.2	6	6.8	1		4	2	3	10	
19	260355	Hoàng Thị Như Quỳnh	11/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.8	7.4	7.2	1		6.75	6.5	3.2	17.45	
20	260356	Nguyễn Thị Quỳnh	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.6	6.4	5.9	1		6.25	5.75	1.8	14.8	
21	260357	Trương Thị Quỳnh	18/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		6.4	5.1	6.8	1		4.5	1.5	1.8	8.8	
22	260358	Phạm Tuấn Sang	25/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.2	8.7	8.3	1		7.75	8.25	6.6	23.6	
23	260359	Trương Tấn Sang	23/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		5.2	4.9	6.9	1		3.75	3.5	3.8	12.05	
24	260360	Lê Ngọc Sáng	29/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		6.1	5.9	5.8	1		4.75	3.5	6.8	16.05	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260361	Bùi Văn Sơn	25/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	Đ		5.7	6.5	5.6	1		5.75	7.25	1.6	15.6	
2	260362	Đỗ Hồng Sơn	22/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.5	8	8.3	1		7	8	7.4	23.4	
3	260363	Lê Trường Sơn	28/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		5.8	6.7	5.7	1		5.75	4.75	2	13.5	
4	260364	Nguyễn Trường Sơn	26/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		6.8	6.7	6.4	1		6	7.75	2.8	17.55	
5	260365	Nguyễn Văn Sỹ	24/12/2011	Thành phố Hà Nội	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.5	7.9	7.7	1		5.5	7.5	3.2	17.2	
6	260366	Mai Phúc Tài	07/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		7.1	6.3	6.2	1		6	6.25	2.6	15.85	
7	260367	Nguyễn Ngọc Tú Tài	27/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		5.5	5.6	6.3	1		3.5	5.75	2.6	12.85	
8	260368	Nguyễn Sỹ Tài	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.2	7.5	7.1	1		7	6.25	7.8	22.05	
9	260369	Kim Tuệ Tâm	01/06/2011	Tỉnh Nghệ An	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.3	9.1	9.3	1		8.5	8.75	9.2	27.45	
10	260370	Phạm Minh Tâm	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.2	6.3	7.4	1		7.5	4.25	4.4	17.15	
11	260371	Nguyễn Hữu Tân	21/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.5	8	7.4	1		7.75	7.75	5.8	22.3	
12	260372	Nguyễn Minh Tân	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.8	9	7.2	1		6.25	8.75	4.6	20.6	
13	260373	Lô Vinh Thái	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	K		7.6	7.4	7.2	1		6.75	6	4	17.75	
14	260374	Bùi Ngọc Thanh	29/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.6	6.5	7.2	1		6.5	7.25	3	17.75	
15	260375	Lê Cảnh Thanh	01/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.7	7.9	7.6	1		6.5	7.25	5.8	20.55	
16	260376	Nguyễn Hữu Giang Thanh	25/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8	8.2	8.3	1		7.5	7.75	8.6	24.85	
17	260377	Nguyễn Công Thành	05/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.4	6.3	6.6	1		5.75	3	1.8	11.55	
18	260378	Nguyễn Tiến Thành	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.3	7.3	6.8	1		7	6.75	4.8	19.55	
19	260379	Phạm Trọng Thành	29/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.4	7.1	7.7	1		5.5	4.75	3.2	14.45	
20	260380	Vì Trung Thành	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	Đ		6.1	5.9	5.2	1		5.75	1.25	2.4	10.4	
21	260381	Lê Thanh Thảo	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		6.7	7	5.6	1		5	3.75	2.8	12.55	
22	260382	Lê Thanh Thảo	16/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	T	G	8.7	8	7.4	1		8.75	6.75	4.2	20.7	
23	260383	Lê Thị Hương Thảo	07/06/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	THCS Thượng Ninh	T	K		6.5	5.9	5.5	1		7	3.25	3.2	14.45	
24	260384	Lê Thị Thảo	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		7.7	6.9	5.6	1		7	3.75	3.2	14.95	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260385	Nguyễn Thị Thảo	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		8.1	8	7.8	1		7.25	6.75	1.2	16.2	
2	260386	Lương Quyết Thắng	15/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	Đ		6.1	6.1	6.2	1		4.5	7	2.4	14.9	
3	260387	Nguyễn Văn Thắng	29/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		5.3	5	5.1	1		3	2.5	1.8	8.3	
4	260388	Hà Văn Thiên	06/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		5.2	5.8	6.5	1		4.5	3.25	1.8	10.55	
5	260389	Lê Đăng Thiên	23/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	Đ		6.6	6.6	5			7	6.5	1.8	15.3	
6	260390	Lê Văn Đức Thiện	15/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		6.6	7.4	5.1	1		6.5	7.5	3	18	
7	260391	Lê Anh Thơ	08/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	Đ		5.9	5.6	6.2	1		6.25	3.5	2.4	13.15	
8	260392	Quách Thị Anh Thơ	10/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.5	7.1	6.7	1		7	5.5	1.2	14.7	
9	260393	Lê Thị Hoài Thu	12/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		7	6.8	6.5	1		7.5	5.25	4	17.75	
10	260394	Lê Thị Hoài Thu	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		7.3	7.4	6.3	1		7	7.25	2.2	17.45	
11	260395	Nguyễn Thị Thu	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		8.7	7.1	7.5	1		8	6.5	1.8	17.3	
12	260396	Nguyễn Thị Thu	28/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6	6.7	7.1	1		4.75	3	2.2	10.95	
13	260397	Quách Văn Thuần	05/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		8.1	8.1	6.9	1		6.75	6.5	3	17.25	
14	260398	Lê Văn Thuận	07/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.1	8.1	8	1		6	7.75	4.6	19.35	
15	260399	Ngân Văn Thuận	17/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		5.7	5.8	6	1		5.5	3	2.8	12.3	
16	260400	Lê Thị Thùy	18/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.2	5.7	5.3	1		4.75	2.75	2.8	11.3	
17	260401	Lương Thanh Thủy	01/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		7	7.5	7.3	1		7.75	7	4	19.75	
18	260402	Lương Thị Thu Thủy	02/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	K		6.5	6.1	6.2	1		8	5.5	3	17.5	
19	260403	Quách Thị Thủy	29/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	K		5.9	6.6	5.7	1		7.25	6.5	2.2	16.95	
20	260404	Mai Phương Thủy	28/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8	7.3	8.1	1		7.75	7.25	5.8	21.8	
21	260405	Lê An Thuyên	25/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	Đ		5.3	5.6	6.2	1		3.75	1	1.2	6.95	
22	260406	Hà Anh Thư	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	T	G	8.1	8.1	7.8	1		8.5	6.5	3.8	19.8	
23	260407	Lê Anh Thư	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.5	9.1	7.3	1		7	8.5	6.2	22.7	
24	260408	Nguyễn Khánh Thư	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		6.3	6.6	5.2	1		5.25	1.5	2.2	9.95	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260409	Nguyễn Minh Thư	05/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7	6.2	6.9	1		5	3.75	1.4	11.15	
2	260410	Nguyễn Thị Anh Thư	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	T	K		7.3	6.9	5.9	1		6	6.5	3	16.5	
3	260411	Quách Thị Minh Thư	27/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.4	7.4	8.1	1		5.5	3.5	1.6	11.6	
4	260412	Hà Thị Thương	15/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	K		6.5	6.6	5.6	1		5.25	5.25	2	13.5	
5	260413	Hồ Thị Hồng Thương	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	T	Đ		5.4	5.6	5			7.25	4.5	1	12.75	
6	260414	Hồ Thị Thương	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		6.5	5.3	6	1		6.5	2.5	1.8	11.8	
7	260415	Lê Hoài Thương	28/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.4	9.7	9.2	1		8.5	9.5	9	28	
8	260416	Phan Đức Thương	09/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	K	Đ		5.5	6.3	5	1		6	3.25	1.8	12.05	
9	260417	Lương Thanh Thượng	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	Đ		5.4	6.4	6.1	1		3.5	2.75	2.4	9.65	
10	260418	Nguyễn Hải Tiến	27/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	K		6.7	6.8	6.4	1		6.25	6.5	4.2	17.95	
11	260419	Lê Hữu Trác	13/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		5.8	6.6	6.3	1		5.5	4.5	2.4	13.4	
12	260420	Bùi Lê Đoàn Trang	03/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		5.6	7	7.4	1		5	4.5	2.4	12.9	
13	260421	Bùi Thị Mai Trang	03/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		6.9	5.5	5.3	1		6.5	3.25	2	12.75	
14	260422	Hoàng Huyền Trang	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.6	7.7	7.7			7.75	7.5	7.4	22.65	
15	260423	Lê Quỳnh Trang	14/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		6.8	6	5.3	1		6.25	2.5	2	11.75	
16	260424	Lê Thị Huyền Trang	20/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		6.7	6.2	6.9	1		5.75	3.75	1.8	12.3	
17	260425	Lê Thị Thảo Trang	15/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.8	6.4	7.3	1		6.25	2.75	2.2	12.2	
18	260426	Nguyễn Thị Huyền Trang	06/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		8	7.1	5.5	1		6.5	6.25	3.2	16.95	
19	260427	Nguyễn Thị Thu Trang	14/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.9	8	7.3	1		8.25	6.75	3.4	19.4	
20	260428	Phùng Lê Trang	13/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		5.6	5	6.4	1		4	3	1	9	
21	260429	Quách Thị Thùy Trang	26/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	T	G	8	7.8	8	1		7.25	5.5	2.4	16.15	
22	260430	Chu Thị Minh Trâm	21/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		8.3	8.5	5.7	1		6.25	7.5	3.6	18.35	
23	260431	Đinh Thị Ngọc Trâm	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	K		8	7.1	7.4	1		7	7.75	3.6	19.35	
24	260432	Lê Thị Bảo Trâm	27/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		5.9	5.8	5.5	1		5.5	1.25	3	10.75	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260433	Lô Thị Trâm	23/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		5.2	4.8	5.1	1		4	1.75	2.4	9.15	
2	260434	Nguyễn Bảo Trâm	05/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Xuân Quý	T	Đ		7.3	6.1	6.3	1		6.75	4.25	3.6	15.6	
3	260435	Nguyễn Bảo Trâm	12/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.1	8.8	8.5	1		7.75	8.25	7.2	24.2	
4	260436	Quách Thị Bảo Trâm	23/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.4	6.8	7.3	1		6.5	5.5	5	18	
5	260437	Vì Hà Bảo Trâm	30/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	Đ		5.8	6.3	6.2	1		5.5	1.5	2.2	10.2	
6	260438	Lê Hoài Trân	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		5.6	5	5	1		4.5	2.75	2.8	11.05	
7	260439	Lê Thị Huyền Trân	25/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	9.2	8.7	8.4	1		8.5	8	5.4	22.9	
8	260440	Nguyễn Thị Bảo Trân	07/05/2011	Tỉnh Vĩnh Long	TH&THCS Cát Vân	T	Đ		6.7	5.1	5.7	1		6	2	2.2	11.2	
9	260441	Nguyễn Mai Triều	16/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.8	5.1	5.8	1		6.5	3.25	4.8	15.55	
10	260442	Lã Trịnh Quốc Triệu	21/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Đông Hải	T	Đ		6.8	6.1	5.4	1		7.5	7	4.2	19.7	
11	260443	Đoàn Thị Thanh Trúc	21/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		7.4	5.3	6.6	1		6.25	4.5	5.8	17.55	
12	260444	Lê Hà Thanh Trúc	27/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	K		8.4	8.5	6.5	1		7	7.5	5	20.5	
13	260445	Lữ Thị Thanh Trúc	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Thanh Hòa	T	K		6.9	6.8	5.6	1		5	1.5	2.2	9.7	
14	260446	Lê Đức Trung	19/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		5.3	4.8	5.4	1		4	1.5	1.6	8.1	
15	260447	Hà Đăng Trường	26/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	Đ		6.4	5.7	6.2	1		6.25	5.5	4	16.75	
16	260448	Lê Mạnh Trường	28/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		5.4	5.3	5.2	1		5	2.75	2.2	10.95	
17	260449	Lương Ngọc Trường	14/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		5.1	4.9	5.7	1		4.25	3	2.2	10.45	
18	260450	Trương Ngọc Trường	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Cát Tân	T	K		6.5	7.8	6.4	1		7	7.25	2.8	18.05	
19	260451	Đinh Anh Tú	17/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		5	4.7	5.2	1		4.25	1.5	1.2	7.95	
20	260452	Lê Đình Tú	09/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	Đ	Đ		5.2	5.1	5	1		2.75	0.5	1.4	5.65	
21	260453	Nguyễn Lê Minh Tú	30/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.1	8.9	8.2	1		7	9.25	7.6	24.85	
22	260454	Nguyễn Trọng Tú	25/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.2	6	7.3	1		2	0.75	2.2	5.95	
23	260455	Lê Anh Tuấn	22/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		8	6.7	5.9	1		6.5	7.5	3.2	18.2	
24	260456	Nguyễn Anh Tuấn	14/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.2	6.7	6.6	1		6	6.25	3	16.25	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	ƯuT	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260457	Nguyễn Văn Tuấn	09/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		5.8	6.3	6.7	1		4.75	7	2.4	15.15	
2	260458	Trương Anh Tuấn	05/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		6	5.4	5.2	1		4.25	3.5	2	10.75	
3	260459	Lê Gia Tuệ	19/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		6.2	6.4	6.7	1		4.5	2.75	3.8	12.05	
4	260460	Đinh Thanh Tùng	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	T	Đ		6.6	6.8	5.5	1		5	7.5	3	16.5	
5	260461	Lê Văn Khánh Tùng	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Văn	T	K		7.6	6.8	6.4	1		7	7.25	4.6	19.85	
6	260462	Quách Văn Tùng	23/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Khang	K	Đ		5.2	5.1	5	1		2	0.5	1.4	4.9	
7	260463	Trần Văn Tùng	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		6.9	5.6	6	1		7	3.75	2.6	14.35	
8	260464	Nguyễn Doãn Tuyên	04/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.8	5.6	5.9	1		4.5	4.5	2.8	12.8	
9	260465	Lê Thị Tuyết	05/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7	5.8	5.7	1		7.5	4.75	2	15.25	
10	260466	Trần Thị Ánh Tuyết	23/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	T	G	9	8.6	8.1	1		8.5	8.75	5	23.25	
11	260467	Bùi Dĩ Tường	28/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoá Quý	K	Đ		5.2	5.1	5	1		2.75	3.5	3.6	10.85	
12	260468	Lê Mai Uyên	27/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		7.8	7.1	6.8	1		7.75	7.5	4.2	20.45	
13	260469	Lê Thị Thảo Uyên	13/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7	7.5	6.5	1		6.5	6.25	3	16.75	
14	260470	Lương Kim Uyên	14/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	Đ		6.9	5.2	5.9	1		5	2.25	1.4	9.65	
15	260471	Mai Thu Uyên	11/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.3	8.8	9.1	1		8.75	8.25	8.2	26.2	
16	260472	Vi Thị Phương Uyên	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.8	6.3	5.7	1		7	6.5	3.2	17.7	
17	260473	Nguyễn Thị Vân	09/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	K		8.1	6.7	8	1		7.5	7	3.4	18.9	
18	260474	Bùi Hà Vi	01/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	Đ		6.7	5.5	5.1	1		6.25	4	3.2	14.45	
19	260475	Hà Lê Kiều Vi	15/06/2011	Tỉnh Nghệ An	TH&THCS Tân Bình	T	Đ		7	5.4	6.1	1		6.75	5.5	5	18.25	
20	260476	Lê Phạm Tường Vi	11/05/2011	Tỉnh Nghệ An	THCS Hoá Quý	T	K		7.2	6.9	6.5	1		7.25	6.5	6.8	21.55	
21	260477	Nguyễn Tường Vi	15/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		6.9	7.1	6.8			7	5.75	4	16.75	
22	260478	Lê Chí Vi	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Bình Lương	T	K		6.8	5.3	7.5	1		5.75	4.75	4	15.5	
23	260479	Lê Quang Việt	27/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	T	G	8.4	8	8.7	1		7.75	7.75	8.2	24.7	
24	260480	Nguyễn Xuân Việt	05/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6.3	5.7	6.5	1		5.5	2.75	5.2	14.45	

Danh sách này gồm có 24 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trường THCS	KQ năm học lớp 9						Điểm cộng		Kết quả điểm thi				Ghi chú
						KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Văn	ĐTB Toán	ĐTB Anh	Ưu	KK	Văn	Toán	Anh	Tổng điểm	
1	260481	Lê Công Vinh	11/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoà Quý	T	Đ		5	5.3	5	1		2.25	3	2.4	8.65	
2	260482	Phạm Quang Vinh	14/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		6.7	8	8.1	1		4.5	6.5	3.8	15.8	
3	260483	Quách Thế Vinh	19/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.5	7.4	8.6	1		4.25	6.5	6.2	17.95	
4	260484	Lê Đình Vĩnh	16/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Tân Bình	T	K		6.1	7	5.5	1		5.5	6.75	0.8	14.05	
5	260485	Bùi Thế Vũ	15/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoà Quý	Đ	Đ		5	5	5	1		1.25	1.75	2	6	
6	260486	Hà Văn Vũ	01/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		5.2	5.3	5.3	1		3.5	1.25	1.4	7.15	
7	260487	Kim Duy Vũ	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Thanh Hòa	T	Đ		6.6	7.3	5.6	1		5	4	2.2	12.2	
8	260488	Nguyễn Thị Huyền Vũ	14/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.3	7.3	7.3	1		7.25	6.75	2	17	
9	260489	Nguyễn Văn Trường Vũ	05/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	K	Đ		6.2	6	7.6	1		4.75	3.5	2.4	11.65	
10	260490	Cao Ai Vy	25/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.6	8.3	8	1		7	7	6	21	
11	260491	Hà Thị Kiều Vy	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.2	7.2	8.1	1		5.5	4.5	1.8	12.8	
12	260492	Lê Đỗ Tường Vy	08/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	Đ		6	5.4	6.3			3.25	4	3	10.25	
13	260493	Lê Ngọc Thảo Vy	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Xuân Hòa	T	K		7.9	7.4	7.1	1		7.5	7.25	4.6	20.35	
14	260494	Lê Thị Hà Vy	07/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Yên Lễ	T	K		7	5.7	5.4	1		6.5	2.75	2.8	13.05	
15	260495	Lê Thị Thảo Vy	24/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	K		7.7	7.1	7.1	1		7.25	6	3	17.25	
16	260496	Lê Yến Vy	10/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.7	6.2	6.7	1		6.75	5.5	6.6	19.85	
17	260497	Lương Thị Diệp Vy	18/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.9	6.8	5.9	1		6.5	7	3.4	17.9	
18	260498	Lê Xuân Hoàng Vy	23/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.6	8.4	8	1		5.5	7.25	5.6	19.35	
19	260499	Bùi Thị Xuân	04/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thượng Ninh	T	K		7.3	6.9	7.8	1		7	2.25	2.2	12.45	
20	260500	Hoàng Ngọc Yến	21/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		8.8	7.1	7	1		8	6.75	2.8	18.55	
21	260501	Nguyễn Hải Yến	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Thị Trấn Yên Cát	T	K		7.4	5.3	6.1	1		7.5	5.75	5.2	19.45	
22	260502	Nguyễn Thị Bảo Yến	13/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	TH&THCS Cát Vân	T	K		7.1	6.3	6.3	1		6.5	4.5	3.2	15.2	
23	260503	Quách Thị Bảo Yến	12/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	THCS Hoà Quý	T	K		7.6	7.1	5.8	1		7	4.5	3.2	15.7	

Danh sách này gồm có 23 thí sinh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)